

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 9 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành, khu nhà điều khiển trung tâm và khu nhà ăn.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa, vệ sinh tấm pin mặt trời.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 1: Mương thoát nước mặt phía Tây mặt bằng Nhà máy.
- Nguồn số 2: Tụ thấm vào môi trường đất cát tại khu vực rửa, vệ sinh tấm pin mặt trời, không xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải (nguồn số 1):

- Khu kinh tế Nhơn Hội (xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định;
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.532.923, Y = 610.144.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 03 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D60mm ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	BOD ₅	mg/l	30		
03	TSS	mg/l	50		
04	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
05	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	01		
06	Amoni (tính theo N)	mg/l	05		
07	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
08	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	05		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	06		
11	Tổng Coliforms	NPN/l	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D60mm về Hồ thu gom của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 03 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh → Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công suất thiết kế: 02 Bể tự hoại 03 ngăn (01 bể tại khu nhà điều hành và 01 bể tại khu nhà điều khiển trung tâm): Dung tích 03 m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Hồ thu gom → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cột lọc than hoạt tính → Hồ ga đối chứng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 03 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin, men vi sinh - BioTL-A, men vi sinh - BioTL-B, mật rỉ đường, vi lượng, muối, than hoạt tính, cát, sỏi (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi Hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt; nạo vét, súc rửa các hồ ga, đường ống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng yêu cầu kỹ thuật, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn hoặc ngưng trệ hệ thống, không để rò rỉ nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Vận hành thường xuyên, hiệu quả Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhận chuyển giao từ đơn vị thiết kế, xây dựng.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thực hiện khóa van nước thải từ Bể thu gom về Bể sinh học thiếu khí, tạm dừng hoạt động hệ thống và thực hiện ngay công tác kiểm tra, rà soát, xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và tổ chức khắc phục kịp thời, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả công trình xử lý chất thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 03 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại Hồ thu gom nước thải tập trung.
- Tại Hồ ga đối chứng nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Chủ cơ sở quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trong quá trình vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Đảm bảo bố trí đầy đủ nguồn lực, trang thiết bị, hóa chất để vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (bao gồm cả giai đoạn vận hành thử nghiệm) phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; lượng bùn thải phát sinh;... theo quy định.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 9 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực trạm biến áp 110KV.
- Nguồn số 02: Tại khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.532.857; Y = 610.205.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.532.874; Y = 610.205.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
01	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
01	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 9 năm 2024 của
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Số lượng (kg/năm)
01	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
02	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
03	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	30
04	Dầu truyền nhiệt (dầu máy biến áp) thải (phát sinh khi thay thế, tần suất thay khoảng 10 năm/lần)	17 03 04	2.773
05	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	100
	Tổng cộng		3.013

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
02	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	10
	Tổng cộng		60

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Các loại dây điện, sứ hỏng	80
02	Tấm pin mặt trời hư hỏng	884
03	Hộp mực in thải (mực in văn phòng)	05

04	Than hoạt tính thải không chứa thành phần nguy hại (từ hệ thống xử lý nước thải)	150
05	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	21
Tổng cộng		1.140

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 0,4 tấn/tháng.
- Chung loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 4,8 m², tại vị trí phía Tây Nam mặt bằng.
- Thiết kế, cấu tạo: Cấu tạo bằng thép, nền đảm bảo kín khít, chống thấm, không bị rạn nứt, thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và chất thải lỏng chảy tràn từ bên trong kho ra bên ngoài mặt bằng khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Kho lưu chứa: Diện tích 24 m², tại vị trí phía Tây Nam mặt bằng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Cấu tạo bằng thép, nền đảm bảo kín khít, chống thấm, không bị rạn nứt, thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; có biển báo, cửa ra vào để thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển xử lý.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại khu vực nhà ăn, nhà điều hành, khu trung tâm điều khiển, đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.
- Kho lưu chứa: Không bố trí.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.
- Xây dựng hệ thống thu gom, lưu chứa dầu máy biến áp đổ tràn khi máy biến áp xảy ra sự cố, cụ thể: Móng máy biến áp được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có

thành bao xung quanh cao hơn so với cos mặt bằng 0,5m, bên trong chứa đá dăm, để thu gom dầu máy biến áp đổ tràn. Toàn bộ lượng dầu này tự chảy theo đường ống dẫn về Bể chứa dầu sự cố để lưu chứa. Bể chứa dầu sự cố được xây dựng âm dưới mặt đất, bằng bê tông cốt thép, chống thấm, kích thước 04m x 05m x 3,3m, có nắp đậy kín, đáy bể có hố thu dầu và có đường ống dẫn kết nối với bơm để bơm hút dầu, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 9 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Nhơn Hội và UBND xã Nhơn Lý trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.
2. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định.
3. Trồng và duy trì cây xanh, thảm cỏ trong mặt bằng đảm bảo luôn đạt tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt, nhằm hạn chế tối đa tình trạng cát bay khi có gió lớn và sạt lở vào mùa mưa.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.
5. Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; kho chứa phải luôn đảm bảo đầy đủ vật liệu hấp thụ, trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định.
6. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa trong mặt bằng đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường và phải thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo hệ thống luôn trong điều kiện vận hành bình thường, không để xảy ra trường hợp tắc nghẽn, sạt lở gây ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà máy và các khu vực xung quanh.
7. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị, tấm pin mặt trời đã lắp đặt để kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố phát sinh (nếu có).
8. Thực hiện nghiêm túc công tác PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.
10. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.